|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC II:**

**Danh mục Báo cáo định kỳ thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 680/QĐ-BTP ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

***Về hình thức báo cáo:*** *Các báo cáo do bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Tư pháp được thực hiện bằng hình thức văn bản điện tử qua Hệ thống văn bản và Điều hành (Trục liên thông văn bản quốc gia)*

| **TT** | **TÊN BÁO CÁO** | **TẦN SUẤT** | **VĂN BẢN QUY ĐỊNH** | **CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO** | **CẤP THỰC HIỆN BÁO CÁO** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRUNG ƯƠNG** | **TỈNH** | **HUYỆN** | **XÃ** |  |
| 1. | Báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết | Hằng tháng, hằng quý,06 tháng, hằng năm | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. | Chính phủ | Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành liên quan | Sở Tư pháp (báo cáo tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết) |  |  |  |
| 2. | Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của QH, UBTVQH và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Hằng năm | Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội ngày 29/11/2013 về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ quốc hội và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành | Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội | Chính phủ |  |  |  |  |
| 3. | Báo cáo của Chính phủ về việc thi hành Luật Thủ đô | Định kỳ 03 năm | Điều 22 Luật Thủ đô, Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô | Quốc hội/ Chính phủ | Chính phủ/ Bộ Tư pháp phối hợp với UBND thành phố Hà Nội; các bộ, ngành liên quan và 9 tỉnh thuộc Vùng Thủ đô bao gồm: Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên |  |  |  |  |
| 4. | Báo cáo của Chính phủ về hoạt động tương trợ tư pháp | HằngNăm | Khoản 3, Điều 61 và khoản 5, Điều 62 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007; khoản 3 Điều 8 Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp | Quốc hội, Chính phủ | Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Công an, Bộ Ngoại giao |  |  |  |  |
| 5. | Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính | Theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính | Bộ Tư pháp | Tòa án nhân dân tối cao; các bộ, cơ quan ngang bộ; Kiểm toán nhà nước; Bảo hiểm xã hội Việt Nam | UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương |  |  |  |
| 6. | Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Hằng năm | Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ; Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP | Bộ Tư pháp | Bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ | UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương |  |  |  |
| 7. | Báo cáo tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp | Hằng năm | Điều 41 Luật giám định tư pháp năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020 | Bộ Tư pháp | Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp |  |  |  |  |
| 8. | Báo cáo về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định tư pháp | Hằng năm | Điều 42 Luật giám định tư pháp năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020 | Bộ Tư pháp | Bộ Công an; Bộ Quốc phòng |  |  |  |  |
| 9. | Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương | Hằng năm | Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC ngày 29/6/2018 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng | Bộ Tư pháp |  | Sở Tư pháp (cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương) |  |  |  |
| 10. | Báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động Thừa phát lại tại địa phương | Hằng năm | Điều 20 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại | Bộ Tư pháp |  | UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương |  |  |  |
| 11. | Báo cáo tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật theo Nghị định số 113/2014/NĐ-CP và kết quả triển khai Kết luận số 73-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. | Hằng năm | Nghị định số 113/2014/NĐ-CP về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật ngày 26/11/2014 của Chính phủ; Kết luận số 73-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW về hợp tác với nước ngoài về pháp luật | Bộ Tư pháp | Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp và các cơ quan khác ở trung ương | UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương |  |  |  |
| 12. | Báo cáo công tác bồi thường nhà nước | Hằng năm | Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Thông tư 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp | Bộ Tư pháp | Tòa án NDTC; Viện KSNDTC;bộ; cơ quan ngang bộ | UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương |  |  |  |
| 13. | Báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL | Hằng năm | Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ | Bộ Tư pháp | Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ | ỦBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | UBND cấp huyện | UBND cấp xã |  |
| 14. | Báo cáo công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Hằng năm | Điểm d, khoản 4, Điều 6 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tư pháp | ỦBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | UBND cấp huyện | UBND cấp xã |  |